

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

Mẫu số B 02a - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TÓM TẮT
QUÝ IV NĂM 2009**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV	LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16.	155,164,958,365	274,355,574,959
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	117,942,675
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.17.	155,164,958,365	274,237,632,284
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.18.	149,157,854,127	258,904,577,962
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6,007,104,238	15,333,054,322
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19.	178,865,722	421,400,272
7 Chi phí tài chính	22	VI.20.	724,891,005	1,379,464,680
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		534,986,512	1,246,646,336
8 Chi phí bán hàng	24		0	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,426,845,228	7,433,698,768
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2,034,233,727	6,941,291,146
11 Thu nhập khác	31		240,857,586	1,205,055,494
12 Chi phí khác	32		42,679,910	751,601,776
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		198,177,676	453,453,718
14 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		0	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		2,232,411,403	7,394,744,864
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		553,099,476	1,734,838,825
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.23.	0	4,559,338
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1,679,311,927	5,655,346,701
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		112,718,965	727,066,107
18.2 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		1,566,592,962	4,928,280,594
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.24	627	1,971

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

Đào Ngọc Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

Mẫu số B 01a - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT
QUÝ IV NĂM 2009**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2009	9/30/2009
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155,277,861,759	145,527,731,195
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		25,075,260,327	20,420,264,697
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	81,770,838	112,578,075
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61,408,244,791	40,752,183,647
IV Hàng tồn kho	140		44,369,545,447	55,946,067,452
V Tài sản ngắn hạn khác	150		24,343,040,356	28,296,637,324
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85,352,640,773	72,956,305,890
I Các khoản phải thu dài hạn	210		9,163,293	-
II Tài sản cố định	220		53,270,198,888	53,456,022,727
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	43,235,583,713	8,952,761,127
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.7.	814,195,262	1,891,905,771
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	4,016,798,000	4,016,798,000
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9.	5,203,621,913	38,594,557,829
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		29,875,288,468	17,080,500,000
V Tài sản dài hạn khác	260		2,197,990,124	2,419,783,163
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		240,630,502,532	218,484,037,085
A NỢ PHẢI TRẢ	300		195,722,949,368	174,732,913,456
I Nợ ngắn hạn	310		191,860,130,481	170,454,652,935
II Nợ dài hạn	330		3,862,818,887	4,278,260,521
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		36,834,476,459	34,459,110,400
I Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	36,646,943,276	34,223,539,675
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25,000,000,000	25,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		2,500,000,000	2,500,000,000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		1,153,658,289	1,163,027,743
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		613,338,532	602,970,309
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	10,408,733
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7,379,946,455	4,947,132,890
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		187,533,183	235,570,725
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		187,533,183	235,570,725
C Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		8,073,076,705	9,292,013,230
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		240,630,502,532	218,484,037,086

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

Đào Ngọc Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
QUÝ IV NĂM 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LƯU KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		7,394,744,864	6,071,723,597
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		1,674,116,292	1,826,942,162
- Các khoản dự phòng	3		-	93,903,108
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			(542,667)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		453,453,718	(487,482,353)
- Chi phí lãi vay	6		1,246,646,336	1,349,852,259
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	8		10,768,961,210	8,854,396,106
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(26,294,710,792)	3,810,268,915
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9,184,783,344)	1,400,421,823
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		50,452,764,008	11,383,037,641
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(155,040,826)	(1,312,398,517)
- Tiền lãi vay phải trả	13		1,246,646,336	1,211,711,238
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(427,774,314)	1,624,694,704
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			5,214,932,056
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16			(6,564,536,576)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26,406,062,278	19,949,715,506
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(385,838,329)	(20,767,255,563)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		1,205,055,494	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13,994,348,372)	(10,731,500,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26			13,365,374
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		421,400,272	272,037,908
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12,753,730,935)	(31,213,352,281)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	13,993,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(693,000,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5,452,153,421	16,069,759,054
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(18,608,528,084)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			(29,501,306)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2,495,467,029)	(2,263,296,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2,956,686,392	8,468,433,664
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		16,609,017,735	(2,795,203,111)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20,420,264,697	9,436,847,744
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			542,667
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		37,029,282,432	6,642,187,300

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

Đào Ngọc Thanh